

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 08 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 97/2019/TLST - DS ngày 02 tháng 04 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: 1/ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1946.

2/ Bà Bùi Thị N, sinh năm 1949

3/ Ông Bùi Văn H, sinh năm 1960

4/ Ông Bùi Văn B, sinh năm 1961

5/ Ông Bùi Ngọc T1, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: ấp H, xã C, huyện B, tỉnh B

6/ Ông Bùi Thanh L, sinh năm 1956

Địa chỉ: 220/1B Nguyễn Phúc Nguyên, Phường 9, Quận 3. TPH

7/ Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện B, tỉnh B

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1959, là bị đơn

Địa chỉ: ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh B

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh L3, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh B

- Ông Nguyễn Thế L4, sinh năm 1983,

- Bà Nguyễn Thị Mai T5, sinh năm 1985,

Cùng địa chỉ: ấp H, xã C, huyện B, tỉnh E

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các ông, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn B, ông Bùi Ngọc T1, ông Bùi Thanh L, bà Bùi Thị N1, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Thế L4, bà Nguyễn Thị Mai T5 cùng thống nhất để lại phần đất khu nền mộ thuộc thửa 424-2; 425-2 cùng tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh B cho ông Nguyễn Thanh L3 sử dụng vĩnh viễn.

Ông Nguyễn Thế L4 đồng ý để cho ông Nguyễn Thanh L3 sử dụng vĩnh viễn phần đất diện tích $85,2m^2$ (trong đó diện tích ngôi mộ là $10,1m^2$) thuộc thửa 424-2, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh B (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo). Ông Nguyễn Thế L4 vẫn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 424-2, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh B.

Bà Nguyễn Thị Mai T5 đồng ý để cho ông Nguyễn Thanh L3 sử dụng vĩnh viễn phần đất diện tích $38,7m^2$ (trong đó diện tích ngôi mộ là $9,3m^2$) thuộc thửa 425-2, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh B (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo). Bà Nguyễn Thị Mai T5 vẫn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 425-2, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh B.

Ông Nguyễn Thanh L3 không được chuyển nhượng, tặng cho bất kỳ ai khác đối với thửa đất 424-2 và 425-2, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh B. Đồng thời ông Nguyễn Thanh L3 không được trồng cây cối, không được trồng cây làm hàng rào, không được xây dựng công trình, hàng rào kiên cố trên hai thửa đất 424-2 và 425-2, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh B.

Ông Nguyễn Thế L4 và bà Nguyễn Thị Mai T5 không được chăn nuôi bò thả trong khu vực thửa đất 424-2 và 425-2, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh B.

* Về chi phí tố tụng (Chi phí đo đạc) ông Nguyễn Thanh L3 tự nguyện chịu số tiền là 4.538.000đồng (Bốn triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) và ông Nguyễn Thanh L3 đã nộp xong.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Ngọc T1 tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001481 ngày 02/04/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Vậy án phí ông Bùi Ngọc T1 được hoàn lại số tiền chênh lệch là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bà Bùi Thị N1 tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001480 ngày 02/04/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Vậy án phí đã bà Bùi Thị N1 được hoàn lại số tiền chênh lệch là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các ông, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn B, ông Bùi Thanh L được miễn nộp án phí do thuộc diện người cao tuổi. Ông Bùi Văn B được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001482 ngày 02/04/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Ông Bùi Văn H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001479 ngày 02/04/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Dã Ký

Lê Thị Thu Hương